TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2019/DS-PT
Ngày: 20-11-2019
"Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Thẩm phán:

1. Bà **Đặng Thị Đồng**;

2. Bà **Phạm Thị Thanh Giang.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Khúc Tân Nam**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Trang**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 317/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị S, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp H1, xã H2, huyện H3, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 18-01-2018); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn T, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp H1, xã H2, huyện H3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1975; có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1988; yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Bà Lê Thị R, sinh năm 1966; yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà M, chị G, ông H, bà R cùng địa chỉ: Ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Ông Hồ Văn T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Hồ Thị S và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hồ Thị H trình bày:

Cha mẹ bà là ông Hồ Văn V, hy sinh năm 1967 (liệt sỹ) và bà Trần Thị P, chết năm 1987. Cha, mẹ bà có 03 người con: Bà Hồ Thị S, ông Hồ Văn T và bà Hồ Thị H. Cha, mẹ bà chết không để lại di chúc. Trước khi chết, cha, mẹ bà chưa phân chia tài sản cho các con. Tính đến ngày mẹ bà chết thì cha, mẹ bà để lại tài sản gồm:

+ Phần đất có diện tích khoảng 6.000 m^2; thuộc thửa 6881, 6884, 6889; tờ bản đồ số 08 (Bản đồ 299), tại ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00741QSDĐ/I2 ngày 01-6-1994 do ông Hồ Văn T đứng tên. Nguồn gốc đất này do ông, bà nội của bà cho cha, mẹ bà và một phần do bà S, bà H và ông T cùng nhận chuyển nhượng (mua) của ông Nguyễn Văn Xinh vào năm 1990 và được ghi nhận tại Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 44/2009/HNGĐ-PT ngày 26-8-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, đã xác định diện tích đất đo đạc thực tế 2.940 m^2, thuộc thửa 6884, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) tại ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh do ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng của bà S, bà H và ông T.

+ Phần đất có diện tích khoảng 4.000 m^2; thuộc các thửa 7179, 7180, 7175, 7176, 7177, 7178; tờ bản đồ số 08 (Bản đồ 299), tại ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00741 QSDĐ/I2 ngày 01-6-1994 do ông Hồ Văn T đứng tên. Nguồn gốc đất do cha, mẹ bà chết để lại. Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án thì ông T đã chuyển nhượng phần đất này cho chị Nguyễn Thị Hồng G, với số tiền 200.000.000 đồng. Tại phiên đối chất ngày 29-3-2018, ông T đồng ý chia cho bà H và bà S mỗi người 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, nhưng sau đó ông T không giao tiền và ông T đã thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng cho chị G.

Nay bà S yêu cầu ông T chia cho bà S phần đất có diện tích 1.000 m^2 và 50.000.000 đồng (tiền ông T bán đất chị G).

Bị đơn ông T trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà H, bà S về mối quan hệ huyết thống.

Nay ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, bà H. Tại Biên bản đối chất ngày 29-3-2018, ông đồng ý cho bà S, bà H mỗi người số tiền 30.000.000 đồng, nhưng nay ông không đồng ý cho.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H trình bày: Bà thống nhất yêu cầu của bà S.

Nay bà yêu cầu ông T chia cho bà phần đất có diện tích 1.000 m^2 và 50.000.000 đồng (tiền ông T bán đất chị G).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M trình bày: Bà là vợ ông T, toàn bộ tài sản đang tranh chấp là của ông T nên do ông T quyết định, bà không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị R trình bày: Vợ chồng ông, bà có cho ông T vay tiền, sau đó trừ vào số tiền ông T đã chuyển nhượng diện tích đất ruộng khoảng 4.000 m^2 cho chị G (Chị G là con gái của ông H và bà R). Nay việc chuyển nhượng đã thực hiện chuyển tên sang chị G đứng tên giấy đất xong và chị G đã nhận đất sử dụng nên ông, bà không có ý kiến gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày: Chị có nhận chuyển nhượng đất của ông T khoảng 4.000 m^2; thuộc các thửa 7179, 7180, 7175, 7176, 7177, 7178; tờ bản đồ số 08 (Bản đồ 299), tại ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00741 QSDĐ/I2 ngày 01-6-1994 do ông Hồ Văn T đứng tên. Hiện tại, chị đã nhận đất sử dụng và đã đứng tên giấy đất. Nay chị rút yêu cầu tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất với ông T. Chị không có ý kiến và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị S tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông Hồ Văn T.

2. Buộc ông Hồ Văn T thanh toán cho bà Hồ Thị S và bà Hồ Thị H mỗi người số tiền 616.851.000 (Sáu trăm mười sáu triệu tám trăm năm mươi mốt nghìn) đồng.

Tổng giá trị tài sản chia cho ông Hồ Văn T là 1.315.895.000 (Một tỷ ba trăm mười lăm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Ông Hồ Văn T được sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp do ông Hồ Văn T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00741QSDĐ/I2 ngày 01-6-1994 tại thửa 6881, 6884, 6889 tờ bản đồ số 08 (Bản đồ 299), tại ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh, có diện tích 6.075 m^2, chuyển sang bản đồ VN-2000 là một phần thửa 438-458, tờ bản đồ số 51, tổng diện tích 4.145 m^2. Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Định giá 2.349.600.000 đồng (566.851 đồng/m^2) và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất. (Kèm theo sơ đồ thửa đất).

Ghi nhận các đương sự không tranh chấp tài sản gì khác.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng G về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông Hồ Văn T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, bị đơn ông Hồ Văn T kháng cáo; với nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông Hồ Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng G, ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị R, là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà S, bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ V, cụ P nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ "Tranh chấp về thừa kế tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, ngoài yêu cầu chia di sản thừa kế, bà S, bà H còn yêu cầu ông T chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 2.940 m^2; phần đất này đã được Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 44/2009/HNGĐ-PT ngày 26-8-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, đã xác định diện tích đất đo đạc thực tế 2.940 m^2, thuộc thửa 6884, tờ bản đồ số 08 (Bản đồ 299) tại ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh do ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng của bà S, bà H và ông T. Căn cứ Điều 219 của Bộ luật Dân sự, nên cần xác định, bổ sung thêm quan hệ tranh chấp "Chia tài sản thuộc sở hữu chung".

[3] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của ông Hồ Văn T yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

[3.1] Đối với phần đất có diện tích 6.075 m^2, thuộc thửa 6881, 6884, 6889 tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299), chuyển sang bản đồ VN-2000 là một phần thửa 438-458, tờ bản đồ số 51, với tổng diện tích 4.145 m^2, đất tọa lạc tại ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh; trị giá 2.349.600.000 đồng (566.851 đồng/m^2) và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất. Phần đất này Ông T cho rằng ông nhận chuyển nhượng (mua) nhưng căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T thể hiện nguồn gốc đất do ông T được thừa kế và nhận chuyển nhượng (tải sản chung của bà S, bà H và ông T). Do đó, có căn cứ xác định diện tích đất 4.145 m^2 nêu

trên là di sản của cụ V và cụ P để lại và là tài sản chung của bà S, bà H, ông T đã được Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 44/2009/HNGĐ-PT ngày 26-8-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, đã xác định diện tích đất đo đạc thực tế 2.940 m^2, thuộc thửa 6884, tờ bản đồ số 08 (Bản đồ 299) tại ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh do ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng của bà S, bà H, ông T và bản án này đã có hiệu lực thi hành. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T chia kỷ phần cho bà S, bà H mỗi người được hưởng bằng giá trị tương đương 1.000 m^2 (566.851 đồng/m^2 x 1.000 m^2 = 566.851.000 đồng) là phù hợp, đã có xem xét đến chi phí, công sức gìn giữ, bảo quản di sản cho ông T.

[3.2] Đối với phần đất có diện tích 4.165,3 m^2; thuộc các thửa 7179, 7180, 7175, 7176, 7177, 7178; tờ bản đồ số 08 (Bản đồ 299), tọa lạc tại ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00741 QSDĐ/I2 ngày 01-6-1994 do ông Hồ Văn T đứng tên; trị giá 354.050.500 đồng.

Bà S, bà H cho rằng nguồn gốc đất do cha, mẹ bà chết để lại, nhưng sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án này thì ông T đã chuyển nhượng phần đất này cho chị Nguyễn Thị Hồng G, với số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên đối chất ngày 29-3-2018, ông T tự nguyện đồng ý chia cho bà H và bà S mỗi người 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, nhưng sau đó ông T không giao tiền và ông T đã thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng cho chị G. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà S, bà H, buộc ông T chia cho mỗi người được hưởng số tiền 50.000.000 đồng (trong tổng số tiền ông T bán đất cho chị G được 200.000.000 đồng và ông T đang cất giữ số tiền này) là phù hợp, có căn cứ; do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn T; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, ông Hồ Văn T là con của Liệt sĩ nên miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị S đối với ông Hồ Văn T về "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

4. Tổng giá trị tài sản chia cho ông Hồ Văn T được hưởng là 1.315.895.000 (Một tỷ, ba trăm mười lăm triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

5. Ông Hồ Văn T được sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp do ông Hồ Văn T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00741QSDĐ/I2 ngày 01-6-1994, tại thửa 6881, 6884, 6889, tờ bản đồ số 08 (Bản đồ 299), tại ấp S1, xã S2, huyện S3, tỉnh Tây Ninh, có tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6.075 m^2, chuyển sang bản đồ VN-2000 là một phần thửa 438-458, tờ bản đồ số 51, tổng diện tích 4.145 m^2. Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm; trị giá 2.349.600.000 đồng và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất (Kèm theo sơ đồ thửa đất).

6. Buộc ông Hồ Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hồ Thị S số tiền 616.851.000 (Sáu trăm mười sáu triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn) đồng.

7. Buộc ông Hồ Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hồ Thị H số tiền 616.851.000 (Sáu trăm mười sáu triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn) đồng.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Ghi nhận các đương sự không tranh chấp tài sản gì khác.

9. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng G, về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" đối với ông Hồ Văn T.

10. Chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp: Ghi nhận bà Hồ Thị S tự nguyện chịu số tiền 14.550.000 (Mười bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng; bà S đã nộp và thanh toán xong.

11. Về án phí:

11.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Hồ Thị S, bà Hồ Thị H và ông Hồ Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị S số tiền 1.250.000 (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009278 ngày 24-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh

Tây Ninh.

+ Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị H số tiền 1.350.000 (Một triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009660 ngày 22-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

+ Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng G số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0016160 ngày 27-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

11.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông T 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0017552 ngày 16-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

12. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Quốc Tuấn